

Bản án số: 217/2020/DSPT
Ngày: 30-9-2020
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản
và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tiến.**

Ông **Lê Phước Thanh.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hải An** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bà **Bùi Thị Dung** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 và ngày 30-9-2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2020/TLPT-DS ngày 19-02-2020 về “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DSST ngày 07-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1671/2020/QĐ-PT ngày 11-9-2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn H**; địa chỉ: Số 7173 Somerset Farms Dr Nashville Tennessee, Hoa Kỳ, vắng mặt.

Người đại theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà **Nguyễn Thị Th**; địa chỉ cư trú: Số 31/12/36, đường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 10-6-2010, được công chứng tại Phòng Công chứng số 1, tỉnh Khánh Hòa và Giấy ủy quyền ngày 30-3-2011, công chứng tại Hoa Kỳ và được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Houston, Hoa Kỳ xác nhận ngày 11-4-2011), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư **Vũ Văn T1** - Công ty Luật TNHH O thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn B; địa chỉ cư trú: Tổ 12, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh

Hòa, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Anh T2; địa chỉ cư trú: Số 838, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

3. Ông Nguyễn Anh T3; địa chỉ cư trú: Số 834, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Diệu T4; địa chỉ cư trú: Số 840, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Trần Thanh G; địa chỉ cư trú: Số 9/5B, Đường N1, phường L1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 01-6-2017 và ngày 20-6-2017), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Nguyễn Hồng H1** - Văn phòng Luật sư Nguyễn Hồng H1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị Ng; địa chỉ cư trú: Số 838, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

2. Bà Hồ Thị Hoàng Y; địa chỉ cư trú: Số 834, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

3. Ông Lê Quý Đ; địa chỉ cư trú: Số 840, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Anh H2; địa chỉ cư trú: Số 836, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

5. Bà Phạm Thị Th1; địa chỉ cư trú: Số 836, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Diệu H3 địa chỉ cư trú: Số 836, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ng, bà Y, ông Đ, ông H2, bà Thanh và bà H3: Ông **Trần Thanh G;** địa chỉ cư trú: Số 9/5B, Đường N1, phường L1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 20-6-2017), ông **G** có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ng, bà Y, ông Đ, ông H2 và bà Th1: Luật sư **Nguyễn Hồng H1** - Văn phòng Luật sư Nguyễn Hồng H1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Diệu A; địa chỉ cư trú: Số 836, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị Đ1; địa chỉ: Số 6720N Hamlin Ave Lincohmwood IL 60712 U.S.A (chết ngày 06-01-2019, tại Hoa Kỳ).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Đ1:

8.1. Ông Trình Duy N2, sinh ngày 10-10-1949; địa chỉ: 6168 Graebear Trl, East Lansing, Michigan 48823, Hoa Kỳ.

8.2. Bà Bạch Tuyết Nguyễn Ch, sinh ngày 20-10-1951; địa chỉ: 8764 Cold Plain Ct, Springield, Virginia 22153, Hoa Kỳ.

8.3. Bà Therese Hồng Loan L2, sinh ngày 27-8-1953; địa chỉ: 6720 N Hamlin Ave, Lincolnwood, Illinois 60712, Hoa Kỳ.

8.4. Ông Anh Duy N2, sinh ngày 17-02-1955; địa chỉ: 977 Main Street, Dalton, Massachusetts 01226, Hoa Kỳ.

8.5. Ông Hùng Duy N2, sinh ngày 14-9-1956; địa chỉ: 422 Mac Bain Way, Inverness, Illinois 60010, Hoa Kỳ.

8.6. Bà Alice Hoài Hương W, sinh ngày 08-12-1957; địa chỉ: 774 Allen Ct, Palo Alto, California 94303, Hoa Kỳ.

8.7. Ông Linh Duy N2, sinh ngày 02-01-1960; địa chỉ: 1000 N Delphia Ave, Park Ridge, Illinois 60068, Hoa Kỳ.

8.8. Bà Thu N2 - Dotson Sinh ngày 09-6-1961; địa chỉ: 3665 Laureate Drive, Holt, Michigan 48842, Hoa Kỳ.

8.9. Ông Vinh Duy N2, sinh ngày 01-7-1965; địa chỉ: 161 Lynn Street, Oviedo, Florida 32765, Hoa Kỳ.

8.10. Ông Quốc Duy N2, sinh ngày 21-8-1966; địa chỉ: 1304 Amberidge Ct, Antioch, California 94531, Hoa Kỳ.

8.11. Ông Đình Duy N2, sinh ngày 13-10-1967; địa chỉ: 5804 Capulina Ave, Morton Grove, Illinois 60053, Hoa Kỳ.

8.12. Bà Elizabeth Tường Vy N2, sinh ngày 13-5-1969; địa chỉ: 28 Belmont Drive, Livingston, New Jersey 07039, Hoa Kỳ.

8.13. Bà Phi Thao Jaclyn Ng2, sinh ngày 05-3-1972; địa chỉ: 9138 Sayre Ave, Morton Grove, Illinois 60053, Hoa Kỳ.

Tất cả những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Đ1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

9. Bà Nguyễn Thị Yên V2 (Ann Vo V7); địa chỉ: Rehab Center (Rom 123) 8820 Town Park Dr. Houston, TX 77036 U.S.A, vắng mặt.

10. Ông Phùng Thư Đít T5; địa chỉ cư trú: Tổ 11, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

11. Ông Phùng Đình Q; địa chỉ cư trú: Tổ 11, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (chết ngày 13-3-2019).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: Bà Trần Thị V3; địa chỉ cư trú: Tổ 11, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Q:

11.1. Bà Trần Thị V3; địa chỉ cư trú: Tổ 11, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

11.2. Chị Phùng Thị Bích Th2; địa chỉ cư trú: Tổ 11, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

11.3. Anh Phùng Đức T6; địa chỉ cư trú: Tổ 11, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

11.4. Anh Phùng Xuân Th3; địa chỉ cư trú: Tổ 11, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

11.5. Chị Phùng Thị Thanh T7; địa chỉ cư trú: Tổ 11, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

11.6. Anh Phùng Đình Th4; địa chỉ cư trú: Tổ 11, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

11.7. Chị Phùng Thị Bích Th5; địa chỉ cư trú: Tổ 11, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

11.8. Chị Phùng Thị Bích Tr; địa chỉ cư trú: Tổ 11, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

12. Bà Nguyễn Thị Diệu H4 (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H4:

12.1. Ông Lê Minh C; địa chỉ cư trú: Tổ 13, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

12.2. Anh Lê Nguyễn Xuân Th6; địa chỉ cư trú: Tổ 13, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

12.3. Chị Lê Nguyễn Bích Ph; địa chỉ cư trú: Tổ 13, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

12.4. Chị Lê Nguyễn Thiên Ph; địa chỉ cư trú: Tổ 13, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Minh C: Ông **Trần Thanh G**; địa chỉ cư trú: Số 9/5B, Đường N1, phường L1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 20-6-2017), ông **G** có mặt.*

13. Bà Nguyễn Thị Diệu Th7; địa chỉ cư trú: Số 163, đường TT, xã Đ4, huyện L8, Lâm Đồng, vắng mặt.

14. Bà Nguyễn Thị Diệu Tr; địa chỉ: Số 15845 Highway 105 West ste 109 Montgomery, Tx 77356, Hoa Kỳ, vắng mặt.

15. Anh Nguyễn Công Th8; địa chỉ cư trú: Số 836, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

16. Anh Nguyễn Phúc H5; địa chỉ cư trú: Số 836, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

17. Anh Nguyễn Thiện H6; địa chỉ cư trú: Số 836, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

18. Anh Nguyễn Phạm Anh H7; địa chỉ cư trú: Số 836, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

19. Chị Nguyễn Nguyệt T8; địa chỉ cư trú: Số 838, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

20. Anh Nguyễn Hoàng A1; địa chỉ cư trú: Số 838, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

21. Chị Nguyễn Thụy T3; địa chỉ cư trú: Số 838, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

22. Anh Nguyễn Hoàng M; địa chỉ cư trú: Số 838, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

23. Anh Lê Hoàng V4; địa chỉ cư trú: Số 840, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

24. Chị Nguyễn Thị D; địa chỉ cư trú: Số 840, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

25. Anh Lê Hoàng V5; địa chỉ cư trú: Số 840, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

26. Chị Hồ Như T9; địa chỉ cư trú: Số 838, Đường L, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

27. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn L3 - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh V6, Khánh Hòa (Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHN0-PC ngày 27-12-2019), vắng mặt.

28. Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ: Số 42, đường L4, phường T10, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T11 - Chức vụ: Chủ tịch, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cụ Nguyễn Đ2 (Nguyễn Văn Đ2) và cụ Hồ Thị C1 có 09 người con, nhưng 03 người chết lúc nhỏ, còn lại 06 người con, gồm:

1. Bà Nguyễn Thị C2, chết năm 1954, có 02 con là: Phùng Thu Đít T5 và Phùng Đình Q.

2. Ông Nguyễn Văn M1 (tức Nguyễn M1), chết năm 1946, vợ là bà Lê Thị H8, có con là Nguyễn H. Bà Lê Thị H8 hiện trú tại: Số 31/12/36, đường T, thành phố N (bà H8 đã tái giá).

3. Bà Nguyễn Thị Đ1, định cư tại Hoa kỳ.

4. Ông Nguyễn B (trước đó tên là Nguyễn Văn B).

5. Ông Nguyễn Văn Nh, chết năm 2003 (không có vợ con).

6. Bà Nguyễn Thị Yến V2, sau đổi tên là Ann Vo V7, định cư tại Hoa Kỳ.

Ngoài ra, cụ Nguyễn Đ2 có con nuôi là Nguyễn R (tên gọi khác: B1) đã chết trước năm 2003, không có vợ con.

Cụ Nguyễn Đ2 chết năm 1981, cụ Hồ Thị C1 chết năm 1945, hai cụ để lại di sản gồm 01 căn nhà ngói cấp 4, nằm trên diện tích đất là 7.640 m² gồm các thửa đất số 42, 43, 44 và 45, tổ 12, thôn V, xã V1, thành phố N, hiện nay gia đình ông Nguyễn B đang quản lý, sử dụng.

Cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1 không để lại di chúc, nhưng năm 1967, cụ Nguyễn Đ2 họp gia tộc chỉ định:

- Chia cho ông Nguyễn H (là con ông Nguyễn M1) nhà từ đường gắn với đất từ trước ra sau của thửa đất số 42 và một phần đất thửa số 43 (phía Đông giáp đất ông

Nguyễn B, phía trước giáp đường đi, phía Tây giáp phần ăn của ông Nguyễn B, phía sau giáp hộ lân cận Nguyễn Ch1).

- Chia cho ông Nguyễn B phần đất giáp đất chia cho ông Nguyễn H, bên kia giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị Yên V2.

- Chia cho bà Nguyễn Thị Yên V2 phần đất giáp đất chia cho ông Nguyễn Văn Nh.

- Chia cho ông Nguyễn Văn Nh phần đất giáp đất bà Nguyễn Thị Đ1.

- Bà Nguyễn Thị Đ1 được chia trước, nên không chỉ định trong biên bản họp.

Ngoài ra, cụ Nguyễn Đ2 còn chia đất ruộng, nhưng sau đó đã giao cho Nhà nước quản lý, nên nguyên đơn (ông H) không tranh chấp.

So với hiện trạng nhà đất do cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1 để lại, thì hiện nay có một số thay đổi cụ thể: Trên đất tranh chấp có xây thêm 05 căn nhà mới, trong đó có 04 căn nhà do ông Nguyễn Anh T2, ông Nguyễn Anh T3, bà Nguyễn Thị Diệu T4, bà Nguyễn Thị Diệu H3 xây; còn 01 căn nhà mới không biết ai xây, nhưng hiện nay do ông Nguyễn B ở; một phần căn nhà từ đường được sửa chữa (thay ngói, nền gạch hoa) hiện nay do vợ chồng ông Nguyễn Anh T3 bà Hồ Thị Hoàng Y quản lý.

Nay, ông Nguyễn H yêu cầu chia di sản theo pháp luật và xin nhận hiện vật, vì cụ Nguyễn Đ2 không có bản di chúc

Chứng cứ mà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Th) cung cấp để xác định di sản của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1, gồm:

- Biên bản họp xét đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã V1 lập ngày 26-2-1998; các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn B đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 2, xã V1, với diện tích 5.280 m², nguồn gốc đất là thừa kế của cha, mẹ là cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Anh T3 đối với thửa đất số 42, tờ bản đồ số 2, xã V1, với diện tích 1.115 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Anh T2 đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 2, xã V1, với diện tích 665 m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị Diệu T4 đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 2, xã V1, với diện tích 580 m² (ông T2, ông T3, bà T4 đều khai đất là thừa kế của cha, mẹ là ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Th9).

- “Biên bản thể vì: khai sanh của Nguyễn B, việc số 1145 ngày 20 tháng 6 năm 1959” của Tòa hòa giải quận VX, Tòa sơ thẩm N do ông Nguyễn B đứng tên khai sinh cho ông Nguyễn H, trong đó thể hiện ông Nguyễn B là con cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1 (chết); Giấy khai tử cho ông Nguyễn M1 thể hiện tên cha, mẹ là cụ Nguyễn Văn Đ2, cụ Hồ Thị C1 (tức là tên ông, bà nội của ông Nguyễn H làm ngày 18-8-1952 - Nguyên bản lập bằng tiếng Pháp kèm bản dịch ra tiếng Việt); các giấy tờ sao lục tại Nhà thờ BC như các chứng thư hôn phối của ông Nguyễn M1 ghi tên cha là Gioan Baotixita Nguyễn Đ2, mẹ là Maria Hồ Thị C1; hình ảnh chụp đám tang ông Nguyễn Văn Nh (là con cụ Đ2, cụ C1) tại Nhà thờ, có ông Nguyễn H và các con cháu của cụ Đ2 (ông Bá và các con ông Bá) đeo tang và mặc áo tang; 01 tấm ảnh chụp ghép hình cha mẹ và các con trong gia đình cụ Nguyễn Đ2 và một số hình ảnh

khác.

Bị đơn:

- Ông Nguyễn B trình bày:

Giấy chứng tử của ông Nguyễn Văn M1 do ông Nguyễn H xuất trình không đảm bảo cho việc xác định ông Nguyễn Văn M1 (là cha ông Nguyễn H) có mối quan hệ với cụ Nguyễn Đ2. Như vậy, tư cách của ông Nguyễn H trong vụ kiện tranh chấp thừa kế là không hợp pháp. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H.

- Ông Nguyễn Anh T2 trình bày:

Cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1 có 06 người con, trong đó 05 người gồm: (1) bà Nguyễn Thị C2, chết năm 1954 (có hai con là Phùng Thư Đít T5 và Phùng Đình Q), (2) bà Nguyễn Thị Đ1, (3) ông Nguyễn B (cha ông T2), (4) bà Nguyễn Thị Yên V2 và (5) ông Nguyễn R (không phải con nuôi như lời khai của nguyên đơn). Riêng ông Nguyễn M1 (Nguyễn Văn M1), thì ông không biết và không biết có con là Nguyễn H, không biết vợ ông M1.

Cụ Hồ Thị C1 chết năm 1956, cụ Nguyễn Đ2 chết năm 1981. Sau khi cụ Đ2 chết có để lại nhà và đất từ đường, hiện do ông Nguyễn B (là cha của ông) và các con ông Bá (trong đó có ông) quản lý, sử dụng, vì gia đình ông ở chung với cụ Đ2 từ trước giải phóng đến nay. Ngoài ra, đất từ đường còn có phần đất do ông Phùng Thư Đít T5 và ông Phùng Đình Q (là con bà Nguyễn Thị C2 và là cháu ngoại cụ Đ2, cụ C1) quản lý, sử dụng và đã được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong thời gian quản lý, sử dụng nhà và đất từ đường, cha ông (Nguyễn B) đã sửa chữa lại nhà như thay thế toàn bộ hệ thống mái, vì nhà từ đường lợp ngói âm dương, thay nền lát gạch bằng nền xi măng và nâng cao 40 cm, xây mới công trình phụ.

Sau đó, thửa đất này đã được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau: (1) Ông Nguyễn B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00018 QSDĐ/VT-NT ngày 04-7-1998 đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 2, với diện tích 5.280 m² (trong đó có 200 m² đất sử dụng lâu dài); (2) ông (T2) và vợ là Phan Thị Ng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00857 QSDĐ/VT-NT ngày 25-9-1999 đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 2, với diện tích 665 m² (trong đó có 200 m² đất sử dụng lâu dài), vợ chồng ông đã xây nhà ở ổn định; (3) ông Nguyễn Anh T3 và vợ là Hồ Thị Hoàng Y được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 42, tờ bản đồ số 2, với diện tích 1.115 m² (trong đó có 200 m² đất sử dụng lâu dài); (4) bà Nguyễn Thị Diệu T4 và chồng là Lê Quý Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00265 QSDĐ/VT-NT ngày 04-7-1998 đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 2, với diện tích 580 m² (trong đó có 200 m² đất sử dụng lâu dài). Các em còn lại của ông đã xây nhà ở trên đất từ đường, nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Ông Nguyễn Anh H2, bà Nguyễn Thị Diệu H3, Bà Nguyễn Thị Diệu A và bà Nguyễn Thị Diệu H4.

Nhà và đất từ đường là của ông, bà nội của ông (cụ Nguyễn Đ2, cụ Hồ Thị C1) và sau đó cha ông (Nguyễn B) là người được thừa kế. Sau năm 1975, Nhà nước tiến hành quản lý ruộng đất và đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những

người đang ở trên các thửa đất nêu trên.

Ngoài ra, ông Nguyễn Anh T2 đề nghị làm rõ nhân thân của ông Nguyễn H để xác định ông H có quyền thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1 không?, vì cụ Đ2 có tên Nguyễn Đ2 từ khi sinh đến khi chết, chứ không có tên Nguyễn Văn Đ2; Giấy chứng tử cho ông M1 do ông H cung cấp không hợp lý, vì trong giấy ghi cụ Hồ Thị C1 chết, nhưng thời điểm đó cụ C1 còn sống; ba nhân chứng xác nhận, nhưng các nhân chứng này không ở xã V1 mà theo thủ tục phải làm ở xã V1, chứ không phải ở phường Nha Trang; Giấy khai tử cho ông M1 ghi cụ Đ2 58 tuổi, nhưng thời điểm năm 1952, cụ Đ2 đã 60 tuổi, vì cụ sinh năm 1892.

Vì vậy, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Nguyễn H.

- Ông Nguyễn Anh T3 trình bày:

Ông Nguyễn H khởi kiện chia di sản thừa kế là không có cơ sở, vì theo hồ sơ gia đình, ông không thấy tên ông Nguyễn Văn M1 con của cụ Nguyễn Đ2. Trong đơn khởi kiện, ông Nguyễn H ghi cha là Nguyễn Văn M1, nhưng trong đơn bổ sung đơn khởi kiện ghi là ông Nguyễn M1. Vậy hai người này là một người hay hai người khác nhau?. Ông Nguyễn H chưa chứng minh được mối quan hệ cha con giữa cụ Nguyễn Đ2 và ông Nguyễn Văn M1. Do đó, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia di sản.

- Bà Nguyễn Thị Diệu T4 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 2, diện tích 580 m² là của ông, bà nội bà (cụ Nguyễn Đ2, cụ Hồ Thị C1) để lại cho cha bà là ông Nguyễn B. Năm 1986, cha, mẹ và các anh chị em trong gia đình đồng ý cho bà một phần đất trong đất từ đường của ông, bà nội của bà để lại để bà xây nhà ra ở riêng. Thửa đất mà bà được cho có vị trí như sau: Bắc giáp vườn của cha bà (Nguyễn B); Nam giáp Gò mả và đường đi; Đông giáp nhà anh bà (Nguyễn Anh T2); Tây giáp đất Nhà nước quản lý. Năm 1987, bà và chồng là ông Lê Quý Đ xin giấy phép xây dựng nhà, sau đó đề nghị và được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00265 QSDĐ/VT-NT ngày 04-7-1998 đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 2, với diện tích 580 m² (trong đó có 200 m² đất sử dụng lâu dài). Nay ông Nguyễn H tranh chấp đất đai trong phạm vi thửa đất và nhà bà đang ở là không có cơ sở, do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phùng Thu Đít T5 trình bày:

Ông ngoại ông là cụ Nguyễn Đ2 (chết năm 1981) và bà ngoại là cụ Hồ Thị C1 (nghe dòng họ nói cụ C1 chết khi ông chưa sinh ra). Cụ Đ2 và cụ C1 có những người con sau:

1. Bà Nguyễn Thị L5 và ông Nguyễn Văn Đ3 chết lúc nhỏ.

2. Mẹ ông, bà Nguyễn Thị C2 (chết), có 4 người con là Phùng Đình D1, Phùng Đình T5 (đều đã chết), còn lại ông (T5) và ông Phùng Đình Q, hiện nay đều trú tại thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

+ Ông Nguyễn M1 (chết) khi ông (T5) chưa sinh ra, vợ ông M1 là bà Lê Thị H8

(đã tái giá), con ông M1 là ông Nguyễn H. Sau giải phóng, ông Nguyễn H phải đi cải tạo, sau đó về sống tại hộ ông Nguyễn B (là chủ ruột) tại tổ 12, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Ông Nguyễn H là anh cùng mẹ khác cha với bà Nguyễn Thị Th.

3. Ông Nguyễn Tr1 (chết không có con).

4. Bà Nguyễn Thị Đ1, định cư tại Hoa Kỳ từ khoảng năm 1981.

5. Ông Nguyễn B.

6. Ông Nguyễn Văn Nh (đã chết).

7. Bà Nguyễn Thị Yến V2, định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1975.

8. Ông Nguyễn R là con nuôi (đã chết), không có gia đình.

Di sản của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1 để lại gồm có căn nhà từ đường, trên diện tích đất tại thôn V, xã V1, thành phố N, hiện nay gia đình ông Nguyễn B đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Năm 1998, ông Nguyễn B cùng các con là Nguyễn Anh T2, Nguyễn Anh T3, Nguyễn Thị Diệu T4 đã được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất này.

Thửa đất của ông (T5) do ông ngoại cho riêng, khi ông ngoại còn sống. Hiện nay ông Nguyễn H khởi kiện chia di sản thừa kế của ông ngoại, nếu chia theo pháp luật, thì ông nhận kỷ phần của mình.

- Ông Phùng Đình Q trình bày:

Ngày 29-10-2010, chúng tôi đã nhận Thông báo thụ lý vụ án ngày 15-10-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H về chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1 là nhà, đất tại thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Ngày 29-10-2010, ông Nguyễn B và ông Nguyễn Anh T2 có đơn xin gia hạn để cung cấp chứng cứ, nay chúng tôi đồng đứng đơn xin Tòa án tiếp tục cho chúng tôi thời gian 60 ngày để cung cấp hồ sơ liên quan đến sự việc (sau đó ông Q không có lời khai thể hiện quan điểm về việc ông Nguyễn H khởi kiện).

- Bà Nguyễn Thị Diệu H3 trình bày:

Đất và nhà của bà có nguồn gốc do ông, bà nội của bà (Nguyễn Đ2, Hồ Thị C1) để lại cho cha bà (Nguyễn B), với tổng diện tích là 7.640 m². Sau đó, mẹ bà là Nguyễn Thị Th9 đứng tên đóng thuế. Đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 2, xã V1 đứng tên quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Diệu T4 và ông Lê Quý Đ cũng do cha bà chia cho, không liên quan gì tới đất của bà Nguyễn Thị Đ1.

- Ông Nguyễn Anh H2 trình bày: Từ nhỏ cho đến hiện tại ông ở chung với cha (Nguyễn Bá), ông không biết đất của ai.

- Bà Nguyễn Thị Diệu H4 trình bày: Bà có nhà riêng, không sống trên đất của cha bà (Nguyễn B), nên bà không có tranh chấp gì.

- Ông Lê Quý Đ trình bày:

Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 2, diện tích 580 m² tại thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa của ông và vợ là Nguyễn Thị Diệu T4 được cha vợ (Nguyễn B) chia có nguồn gốc của cụ Nguyễn Đ2, cụ Hồ Thị C1. Sau khi được chia đất, ông làm

thủ tục đăng ký quyền sử dụng và được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00265 QSDĐ/VT-NT ngày 04-7-1998. Nay, ông Nguyễn H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, trong đó có đất và nhà ông đang ở là không có cơ sở.

- Ông Lê Minh C trình bày:

Ông và vợ là Nguyễn Thị Diệu H4 có nhà riêng, không ở trên đất của cha vợ (Nguyễn B). Ông không biết bà Nguyễn Thị Th là ai mà tranh chấp đất từ đường phía gia đình nhà vợ, nên ông bức xúc ký đơn không đồng ý việc khởi kiện của ông Nguyễn H.

- Bà Phan Thị Ng và bà Hồ Thị Hoàng Y trình bày: Các bà là con dâu nên không biết gì.

- Bà Phạm Thị Th1 trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Anh H2, cha chồng bà là ông Nguyễn B chỉ cho vợ chồng bà ở trên đất này, nên vợ chồng bà sửa chữa lại nhà sau đê ở. Bà không có tài sản gì trên đất này.

- Bà Nguyễn Thị Diệu Th7 trình bày:

Bà là con gái ông Nguyễn B và Nguyễn Thị Th9 (đã chết) và là cháu nội của cụ Nguyễn Đ2, cụ Hồ Thị C1. Bà không có yêu cầu gì đối với di sản của cụ Nguyễn Đ2, Hồ Thị C1, nên yêu cầu Tòa án không đưa bà tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam: Tòa án đã thông báo về tư cách tham gia tố tụng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam gửi đến Chi nhánh V6, nhưng Ngân hàng không cung cấp bản tự khai.

- Ủy ban nhân dân thành phố N trình bày:

Ngoài những hồ sơ tài liệu đã cung cấp cho Tòa án trước đây, hiện nay theo báo của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Nha Trang không còn lưu giữ hồ sơ nào khác.

- Các đương sự Lê Nguyễn Xuân Th6, Lê Nguyễn Bích Ph, Lê Nguyễn Thiên Ph (con của ông Lê Minh C và bà Nguyễn Thị Diệu H4); Nguyễn Công Th8 (con Bà Nguyễn Thị Diệu A); Nguyễn Phúc H5, Nguyễn Thiện H6 (con bà Nguyễn Thị Diệu H3); Nguyễn Nguyệt T8, Nguyễn Hoàng A1, Nguyễn Thụy Tổ N3, Nguyễn Hoàng M (con ông Nguyễn Anh T2); Lê Hoàng V4, Nguyễn Thị D, Lê Hoàng V5, Hồ Như T9 (con và con dâu, con rể bà Nguyễn Thị Diệu T4) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không cung cấp lời khai.

- Bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Yến V2 (là con cụ Nguyễn Đ2, cụ Hồ Thị C1), bà Nguyễn Thị Diệu Tr (là con ông Nguyễn B) đều định cư tại nước ngoài, đã được Tòa án ủy thác tư pháp yêu cầu cung cấp lời khai, nhưng không nhận được kết quả ủy thác tư pháp của Bộ Tư pháp.

Những người làm chứng:

- Ông Nguyễn Công C3 và bà Nguyễn Thị Ngọc L6 trình bày:

Ông, bà là con của cụ Nguyễn Văn L7, gọi ông Nguyễn Văn Đ2 là bác ruột. Ông Nguyễn Văn Đ2 hay Nguyễn Đ2 có con là Nguyễn Thị L5 (chết lúc nhỏ); Nguyễn

Thị C2 (đã chết), bà C2 có con là Phùng Thu Đít T5 và Phùng Đình Q; Nguyễn Văn Đ3 (chết lúc nhỏ); Nguyễn Văn M1 (tức Nguyễn M1) đã chết, ông M1 có một con duy nhất là Nguyễn H đang định cư tại Hoa Kỳ; Nguyễn Văn Tr1 (chết lúc nhỏ); Nguyễn Thị Đ1; Nguyễn Văn B (tức Nguyễn B); Nguyễn Văn Nh (độc thân, đã chết); Nguyễn Thị Yến V2 và Nguyễn B1 (con nuôi, đã chết).

- Bà Lê Thị H8 trình bày:

Chồng bà là Nguyễn M1 hay Nguyễn Văn M1, cha chồng bà là Nguyễn Đ2 hay Nguyễn Văn Đ2 gọi đều đúng. Khi bà chung sống với ông M1 tại nhà chồng, thì mẹ chồng đã chết. Thời gian Nhật đảo chính pháp, ông Nguyễn M1 chạy giặc và bị chết và thời điểm này, bà và ông M1 có một người con chung là Nguyễn H, sinh tại Đại Điền, huyện Diên Khánh. Do đó, ông Nguyễn H được sinh ra trước khi ông M1 chết, nhưng khi làm giấy tờ khai Nguyễn H, sinh năm 1946.

- Ông Nguyễn Minh Tr3 trình bày: Ông chỉ biết ông Nguyễn H sống gần nhà ông trước khi ông Nguyễn H xuất cảnh sang Mỹ.

- Ông Nguyễn Văn L9 trình bày:

Theo thủ tục của đạo Công giáo, nên khi ông sinh ra có người đỡ đầu là ông Nguyễn M1. Khi lớn lên ông hỏi cha của ông về ông M1, thì được biết ông M1 là anh ruột của ông Nguyễn B. Ông (L9) thấy ông Nguyễn H thường lui tới nhà ông Nguyễn B một thời gian rồi đi Mỹ. Có vài lần ông Nguyễn H ở Mỹ về thăm cũng thường lui tới nhà ông B. Họ tên thật cha của ông B ông không biết, chỉ nghe gọi là ông Năm Cúc.

- Ông Nguyễn Xuân Kh trình bày:

Ông nội của ông (Kh) là Nguyễn Kh1, là anh ruột của ông Nguyễn Đ2 (thường được gọi là ông Năm). Ông được nghe kể lại, cha của ông Nguyễn H mất từ lâu, ông H là cháu đích tôn của ông Năm. Ông biết các con của ông Năm gồm cha của ông H, cô Bảy Khen sống tại Hoa Kỳ, chú Tám Bá, chú Mười Nho (nguyên là Đức Giám Mục phó Nha Trang, đã chết) và cô Mười Ngọt sống tại Hoa Kỳ. Ông không biết họ và chữ lót của những người có tên trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 07-9-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

- Áp dụng Điều 34; khoản 3 Điều 35; Điều 147; Điều 153; khoản 1, 2, 3 Điều 228; điểm b, c khoản 5 Điều 477; khoản 2, 3 Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 653, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Án lệ số 05/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06-4-2016.

- Áp dụng về Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H về chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1.

- Xác định di sản của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1 là nhà từ đường (không xác định được sơ đồ hiện trạng) trên diện tích đất 7.485,4 m² gồm các thửa 42, 43,

44 và 45, tờ bản đồ 02, xã V1, thành phố N (nay là thửa 40, 28, 59 và 60, tờ bản đồ 20, hệ tọa độ VN2000 xã V1. Tổng giá trị di sản là 16.098.740.000 đồng (giá trị quyền sử dụng đất, không có giá trị nhà), kèm theo trích đo địa chính thửa đất.

1.1. Chia hiện vật cho ông **Nguyễn B** là nhà từ đường, trên diện tích đất 7.485,4 m² gồm các thửa 42, 43, 44 và 45, tờ bản đồ 02, xã V1, thành phố N (nay là thửa 40, 28, 59 và 60, tờ bản đồ 20, hệ tọa độ VN2000 xã V1, thành phố N). Tổng giá trị di sản là 16.098.740.000 đồng (giá trị kỷ phần của ông Nguyễn B được hưởng 1.911.725.000 đồng).

Trích giá trị di sản 1.911.725.000 đồng là công sức của ông Nguyễn B và bà Nguyễn Thị Th9 gìn giữ di sản.

1.2. Thanh toán kỷ phần:

- Ông Nguyễn B có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn H kỷ phần có giá trị là 1.911.725.000 đồng.

- Ông Nguyễn B có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị Đ1 kỷ phần có giá trị là 1.911.725.000 đồng.

- Ông Nguyễn B có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị Yến V2 (Ann Vo V7) kỷ phần có giá trị là 1.911.725.000 đồng.

- Ông Nguyễn B có nghĩa vụ giao cho ông Phùng Thư Đít T5 kỷ phần có giá trị là 955.862.500 đồng.

- Ông Nguyễn B có nghĩa vụ giao cho ông Phùng Đình Q kỷ phần có giá trị là 955.862.500 đồng.

1.3. Giao cho ông Nguyễn B quản lý di sản có giá trị 804.937.000 đồng là kỷ phần của ông Nguyễn Văn Tr1 (đã chết).

- Giao cho ông Nguyễn B quản lý di sản có giá trị 1.911.725.000 đồng là kỷ phần của ông Nguyễn Văn Nh (đã chết).

- Giao cho ông Nguyễn B quản lý di sản có giá trị 1.911.725.000 đồng là kỷ phần của ông Nguyễn R (đã chết).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn H không yêu cầu ông Nguyễn B thanh toán giá trị di sản là nhà từ đường trên đất.

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Anh T3, bà Hồ Thị Hoàng Y đối với thửa đất số 42, tờ bản đồ 02, xã V1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 29-11-2000 (nay là thửa đất số 40, tờ bản đồ 20, hệ tọa độ VN2000 xã V1).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Anh T2, bà Phan Thị Ng đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ 02, xã V1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 26-10-1999 (nay là thửa đất số 60, tờ bản đồ 20, hệ tọa độ VN2000 xã V1).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị Diệu T4, ông Lê Quý Đ đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ 02, xã V1, diện tích 665 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 04-01-1999 (nay là thửa đất số 59, tờ bản đồ 20, hệ tọa độ VN2000 xã V1).

Các đương sự gồm ông Nguyễn B, Nguyễn Anh T2, Nguyễn Anh T3, Nguyễn Thị Diệu T4, Lê Quý Đ, bà Phan Thị Ng, Hồ Thị Hoàng Y có nghĩa vụ đăng ký điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Trong trường hợp các đương sự tranh chấp về quyền đối với tài sản trên đất đã được xác định là di sản của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1 thì giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự, chi phí tố tụng, quy định về quyền, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 13-9-2017, ông Trần Thanh G là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn B, Nguyễn Anh T2, Nguyễn Anh T3 và Nguyễn Thị Diệu T4; đồng thời, là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Anh H2, ông Lê Quý Đ, ông Lê Minh C, bà Phan Thị Ng, bà Hồ Thị Hoàng Y, bà Nguyễn Thị Diệu H3 và bà Phan Thị Th1 kháng cáo bản án.

- Ngày 20-9-2017, bà Nguyễn Thị Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo; ngày 15-01-2018, bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn H kháng cáo bổ sung.

- Ngày 17-10-2017, bà Trần Thị V3 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phùng Đình Q kháng cáo.

- Ngày 17-11-2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phùng Thu Đít T5 kháng cáo (quá hạn gần 02 tháng), nên tại Quyết định số 21/2018/QĐ-PT ngày 15-10-2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng không chấp nhận kháng cáo quá hạn của ông T5.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Do không đồng ý với bản án sơ thẩm, nên các đương sự kháng cáo. Đơn kháng cáo của các đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Th) và người đại diện theo ủy quyền, đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Trần Thị V3) đề nghị chia kỷ phần mà ông Nguyễn Văn Tr1, Nguyễn Văn Nh và Nguyễn R được hưởng (Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông Nguyễn B quản lý) cho các đồng thừa kế và đề nghị được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật (chia một phần đất); ông Trần Thanh G là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn B, Nguyễn Anh T2, Nguyễn Anh T3 và Nguyễn Thị Diệu T4; đồng thời, là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Anh H2, ông Lê Quý Đ, ông Lê Minh C, bà Phan Thị Ng, bà Hồ Thị Hoàng Y, bà Nguyễn Thị Diệu H3 và bà Phan Thị Th1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng 21 thư kiến điền trước đây thuộc quyền sở hữu của cụ Nguyễn Đ2 nhưng đã được Nhà nước giao cho các hộ

khác quản lý, sử dụng. Nhà và đất hiện tại là của riêng ông Nguyễn B, không phải là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1 để lại nên không đồng ý chia thừa kế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của các đương sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của các đương sự:

[2.1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện chia tài sản thừa kế là nhà gắn liền với đất của cụ Nguyễn Đ2 (chết năm 1981) và cụ Hồ Thị C1 (chết trước ngày 10-9-1990) và vụ án có yếu tố người Việt Nam định cư ở nước ngoài (trước ngày 01-7-1991) tham gia tố tụng; do đó, thời gian từ ngày 01-7-1996 (ngày Bộ luật Dân sự năm 1995 có hiệu lực pháp luật) đến ngày 01-9-2006 (ngày Nghị quyết số 1037/2006/NQ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực pháp luật) không tính vào thời hiệu khởi kiện chia thừa kế. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của ông Nguyễn H còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Đ1 và bà Nguyễn Thị Yến V2 (Ann Vo V7) định cư tại nước ngoài, đã được Tòa án cấp sơ thẩm ủy thác tư pháp yêu cầu cung cấp lời khai, nhưng không nhận được kết quả ủy thác tư pháp của Bộ Tư pháp. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà Đ1, bà V3 là đúng quy định tại điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là bà Nguyễn Thị Diệu Tr định cư tại nước ngoài, đã được Tòa án cấp sơ thẩm ủy thác tư pháp yêu cầu cung cấp lời khai, nhưng đương sự không hồi âm (theo thông báo thực hiện kết quả ủy thác tư pháp của Bộ Tư pháp), trường hợp này bà Tr được coi là từ chối khai báo, nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định tại điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định tất cả những người con của ông Nguyễn B và bà Nguyễn Thị Th9, gồm: Bà Nguyễn Thị Diệu A, ông Nguyễn Anh T2, ông Nguyễn Anh T3, bà Nguyễn Thị Diệu H3, ông Nguyễn Anh H2, bà Nguyễn Thị Diệu H4 (đã chết), bà Nguyễn Thị Diệu T4, bà Nguyễn Thị Diệu Th7 và bà Nguyễn Thị Diệu Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án (vì bà Th9 đã chết mà việc giải quyết vụ án có xem xét công sức của ông B, bà Th9 trong việc quản lý, gìn giữ di sản); đồng thời, xác định bà Nguyễn Thị Diệu H4 (là con ông Nguyễn B, đã chết), nên ông Lê Minh C là chồng bà H4 và các con của bà H4 gồm: anh Lê Nguyễn Xuân Th6, chị Lê Nguyễn Bích Ph, chị Lê Nguyễn Thiên Ph là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Lê Nguyễn Xuân Th6, Lê Nguyễn Bích Ph, Lê Nguyễn Thiên Ph (con của ông Lê Minh C), Nguyễn Công Th8 (con Bà Nguyễn Thị Diệu A), Nguyễn Phúc H5, Nguyễn Thiện H6 (con bà Nguyễn Thị Diệu H3), Nguyễn Nguyệt T8, Nguyễn Hoàng A1, Nguyễn Thụy Tố N3, Nguyễn Hoàng M (con ông Nguyễn Anh T2), Lê

Hoàng V4, Nguyễn Thị D, Lê Hoàng V5, Hồ Như T9 (con, con dâu và con rể bà Nguyễn Thị Diệu T4) đang sinh sống trên thửa đất tranh chấp (theo lời khai phía bị đơn) đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ (thông qua người thân thích là cha mẹ, người thân thích) sống cùng địa chỉ của họ, nhưng các đương sự không cung cấp lời khai và vắng mặt đến lần thứ hai. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã có các thông báo hòa giải và tổng đạt hợp lệ nhưng phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt, nên Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành hòa giải được (từ bút lục số 274 đến số 289).

Theo Công văn số 3264/CNNT ngày 01-4-2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N cung cấp thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26-10-1999 của ông Nguyễn Anh T2, trong đó thửa đất số 44, tờ bản đồ 02, xã V1 có diện tích 665 m² đang đăng ký thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh V6, Khánh Hòa, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã thông báo về tư cách tham gia tố tụng, nhưng Ngân hàng không cung cấp bản tự khai và không ủy quyền hợp pháp để tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong vụ án này có xem xét đến trình tự, thủ tục cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự của UBND thành phố N là đối tượng tranh chấp, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định UBND thành phố N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng UBND thành phố N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, phía bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng ông Nguyễn M1 (là cha của ông Nguyễn H) không phải là con cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1, nên ông Nguyễn H không có tư cách khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Tuy nhiên, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm kết luận ông Nguyễn M1 (hay Nguyễn Văn M1) là con cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1, từ đó xác định ông Nguyễn H (là con ông Nguyễn M1) được thừa kế thế vị di sản của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1. Phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nội dung này, mà chỉ kháng cáo cho rằng tài sản (nhà, đất) là của riêng ông Nguyễn B, không phải là di sản của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1, nên không đồng ý chia thừa kế. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét về hàng thừa kế, mà chỉ giải quyết các nội dung kháng cáo, cụ thể:

[2.2.1]. Đối với kháng cáo của phía bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về nguồn gốc thửa đất:

- Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền xác định nhà từ đường gắn với các thửa đất số 42, 43, 44 và 45, tờ bản đồ số 02, Xã V1, thành phố N có tổng diện tích là 7.640 m² là tài sản của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1 để lại, nên là di sản thừa

kế.

Nguyên đơn cung cấp Biên bản họp xét đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 26-02-1998, do UBND xã V1 thực hiện có ghi phần nguồn gốc đất của các thửa đất số 42, 43, 44 và 45, tờ bản đồ số 02, xã V1 là của cụ Nguyễn Đ2 chết năm 1981, cụ Hồ Thị C1 chết năm 1945.

- Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn thừa nhận nhà từ đường gắn liền với các thửa đất mà ông Nguyễn B và các con của ông Nguyễn B đã được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 42, 43, 44 và 45, tại thôn V, xã V1, thành phố N có nguồn gốc của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1, nhưng đều khẳng định các thửa đất này đã được Nhà nước quản lý, sau đó giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình đang ở trên các thửa đất này theo Nghị định số 64/CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ, nên không còn là di sản thừa kế và không đồng ý chia thừa kế.

Bị đơn là ông Nguyễn Anh T2 cung cấp “Tờ bán đất” ngày 13 tháng 10 năm Bảo Đại thứ 15 (lập tại Võ Cạnh) thể hiện vợ chồng cụ Nguyễn Đ2, ngụ tại Võ Cạnh mua thửa đất 8 sào, có vị trí Đông giáp đất tư thổ của cụ Hồ Thị C1, Tây giáp đất công giáo, Nam giáp mộ địa và tư ích lộ, Bắc giáp đất tư thổ của ông Nguyễn Quế. Diện tích đất này đã được chính quyền cũ cấp Chứng thư kiến điền, gồm các thửa 54, 56 và 293 cho cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1 năm 1963 (nay là các thửa đất số 42, 43, 44 và 45, tờ bản đồ số 02, xã V1, thành phố N); đồng thời, xác định các thửa đất này trước đó đã được Nhà nước quản lý, sau đó cấp lại cho các gia đình đang ở trên các thửa đất này.

Ngày 01-9-2017, ông Trần Thanh G (là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn) cung cấp: (1) Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số 00018 QSDĐ/VT-NT ngày 04-7-1998, do UBND thành phố N cấp cho ông Nguyễn B thửa đất số 43, tờ bản đồ số 02 (diện tích 5.280 m²) và thửa đất số 95, tờ bản đồ số 02 (diện tích 1.240 m²), tổng diện tích là 6.520 m²; (2) Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số 00857 QSDĐ/VT-NT ngày 25-9-1999, do UBND thành phố N cấp cho ông Nguyễn Anh T2 và bà Phan Thị Ng thửa đất số 44, tờ bản đồ số 02 (diện tích 665 m²) và các thửa đất số 330, 331, 334, 335, tờ bản đồ số 02, loại đất 2L), tổng diện tích là 2.860 m².

- Qua xem xét các chứng cứ do đương sự cung cấp, thì tài liệu do nguyên đơn xuất trình phù hợp với các tài liệu sao lục tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố N về nguồn gốc đất của cụ Nguyễn Đ2, cụ Hồ Thị C1 (các bút lục số 246, 247, 250, 253 và 254); phù hợp với Công văn số 4663/UBND-TNMT, số 449/UBND-NC ngày 13-8-2012 đều của UBND tỉnh Khánh Hòa thể hiện nguồn gốc của thửa đất số 45, tờ bản đồ số 02, xã V1 được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Diệu T4 là của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1 cho con từ năm 1986.

Như vậy, căn cứ vào lời khai của ông Nguyễn Anh T2, ông Nguyễn Anh T3, bà Nguyễn Thị Diệu T4, ông Lê Quý Đ và bà Nguyễn Thị Diệu H3 tại Biên bản đối chất ngày 17-4-2012 (bút lục số 454, 455) và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở để khẳng định: Sau khi cụ Hồ Thị C1 chết, thì cụ Nguyễn Đ2 và

các con quản lý, sử dụng các thửa đất số 42, 43, 44 và 45, tờ bản đồ số 02, xã V1, thành phố N; năm 1981, cụ Nguyễn Đ2 chết, ông Nguyễn B tiếp tục quản lý, sử dụng các thửa đất này, sau đó chia cho các con là ông Nguyễn Anh T2, ông Nguyễn Anh T3 và bà Nguyễn Thị Diệu T4. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định căn nhà từ đường gắn liền với các thửa đất (hiện đang tranh chấp) là di sản của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1 là có căn cứ.

[2.2.2]. Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th và bà Trần Thị V3:

- Về nội dung được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật:

Do có căn cứ xác định căn nhà từ đường gắn liền với các thửa đất (hiện đang tranh chấp) là di sản của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1; đồng thời, vợ chồng ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Th9 đã quản lý, sử dụng và sinh sống nhiều năm trên các thửa đất này, từ đó Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế là nhà từ đường gắn liền các thửa đất cho ông Nguyễn B, buộc ông B giao lại kỷ phần cho các đồng thừa kế khác với giá trị bằng tiền và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố N cấp cho ông Nguyễn Anh T2, ông Nguyễn Anh T3 và bà Nguyễn Thị Diệu T4 (đều là con ông Nguyễn B) là đúng pháp luật.

- Về nội dung chia kỷ phần của ông Nguyễn Văn Tr1, ông Nguyễn Văn Nh và ông Nguyễn R cho những người thừa kế còn lại:

Do phía bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang quản lý, sử dụng các thửa đất tranh chấp không mở cửa cổng cho Tòa án cấp sơ thẩm và Hội đồng định giá tài sản tỉnh Khánh Hòa xem xét, thẩm định tại chỗ để đo vẽ xác định cụ thể hiện trạng từng thửa đất và tài sản trên đất, nên Hội đồng định giá tài sản căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xác định tổng diện tích đất của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1 là 7.485,4 m², có giá trị là 16.098.740.000 đồng. Sau đó, xác định thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế, tính công sức gìn giữ di sản thừa kế và: *“Chia hiện vật cho ông Nguyễn B là nhà từ đường, trên diện tích đất 7.485,4 m² gồm các thửa đất số 42, 43, 44 và 45, tờ bản đồ 02, xã V1, thành phố N (nay là thửa các thửa đất số 40, 28, 59 và 60, tờ bản đồ 20, hệ tọa độ VN2000 xã V1, thành phố N) và buộc ông Nguyễn B có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn H kỷ phần có giá trị là 1.911.725.000 đồng, giao cho bà Nguyễn Thị Đ1 kỷ phần có giá trị là 1.911.725 đồng, giao cho bà Nguyễn Thị Yến V2 (Ann Vo V7) kỷ phần có giá trị là 1.911.725.000 đồng, giao cho ông Phùng Thu Đạt T5 và ông Phùng Đình Q mỗi người một kỷ phần có giá trị là 955.862.500 đồng”* là có cơ sở.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1 còn có ông Nguyễn Văn Tr1, ông Nguyễn Văn Nh và ông Nguyễn R (đều đã chết), những người này không có người thừa kế theo hàng thứ nhất. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải chia những kỷ phần này cho những người thừa kế theo pháp luật, nhưng hàng thừa kế thứ hai là các anh, chị em của Tr1, ông Nh và ông R không có yêu cầu chia kỷ phần này, do đó Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông Nguyễn B quản lý là có cơ sở. Trong vụ án này, chỉ có bà Nguyễn Thị Th và bà Trần Thị V3 kháng cáo yêu cầu chia kỷ phần của ông Tr1, ông Nh và ông R. Tuy nhiên, hàng thừa kế thứ hai của ông Tr1, ông Nh và ông R là ông Nguyễn M1, chết năm 1946 và bà Nguyễn Thị C2, chết năm 1954 (đều chết trước người để lại kỷ phần thừa kế), nên theo quy định của pháp

luật, ông Nguyễn H (là con ông Nguyễn M1), ông Phùng Đình Q (là con bà Nguyễn Thị C2 và là chồng của bà Trần Thị V3) không được hưởng thừa kế thế vị đối với những kỷ phần này.

[3]. Như vậy, kháng cáo của ông Trần Thanh G là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông Nguyễn B, Nguyễn Anh T2, Nguyễn Anh T3 và Nguyễn Thị Diệu T4); đồng thời, là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Anh H2, ông Lê Quý Đ, ông Lê Minh C, bà Phan Thị Ng, bà Hồ Thị Hoàng Y, bà Nguyễn Thị Diệu H3 và bà Phan Thị Th1); kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th và kháng cáo bà Trần Thị V3 đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nhưng không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Nguyễn H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thanh G là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn B, ông Nguyễn Anh T2, ông Nguyễn Anh T3 và bà Nguyễn Thị Diệu T4; đồng thời, là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Anh H2, ông Lê Quý Đ, ông Lê Minh C, bà Phan Thị Ng, bà Hồ Thị Hoàng Y, bà Nguyễn Thị Diệu H3 và bà Phan Thị Th1.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị V3 là người đại diện theo ủy quyền và là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phùng Đình Q.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 07-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Áp dụng Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 616, 617 và 618 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 05/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06-4-2016; xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H về chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1.

- Xác định di sản của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1 là nhà từ đường (không xác định được sơ đồ hiện trạng) trên diện tích đất 7.485,4 m², gồm các thửa đất số 42, 43, 44 và 45, tờ bản đồ 02, xã V1 (nay là các thửa đất số 40, 28, 60 và 59, tờ bản đồ 20 hệ tọa độ VN2000, xã V1. Tổng giá trị di sản là: 16.098.740.000 đồng (không có giá trị nhà), kèm theo trích đo địa chính các thửa đất.

2.1. Phân chia di sản:

- Chia hiện vật cho ông Nguyễn B là nhà từ đường, trên diện tích đất là 7.485,4 m², gồm các thửa đất số 42, 43, 44 và 45, tờ bản đồ 02, xã V1, thành phố N (nay là thửa các đất số 40, 28, 60 và 59, tờ bản đồ 20 hệ tọa độ VN2000, xã V1, thành phố N. Tổng giá trị di sản là: 16.098.740.000 đồng (mười sáu tỷ không trăm chín mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Trích giá trị di sản 1.911.725.000 đồng (một tỷ chín trăm mười một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) cho ông Nguyễn B và bà Nguyễn Thị Th9 do có công sức gìn giữ di sản.

- Ông Nguyễn B có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn H kỷ phần là 1.911.725.000 đồng (một tỷ chín trăm mười một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn B có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị Đ1 kỷ phần là 1.911.725.000 đồng (một tỷ chín trăm mười một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn B có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị Yến V2 (Ann Vo V7) kỷ phần là 1.911.725.000 đồng (một tỷ chín trăm mười một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn B có nghĩa vụ giao cho ông Phùng Thư Đít T5 kỷ phần 955.862.500 đồng (chín trăm năm mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Ông Nguyễn B có nghĩa vụ giao cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phùng Đình Q là bà Trần Thị V3, chị Phùng Thị Bích Th2, anh Phùng Đức T6, anh Phùng Xuân Th3, chị Phùng Thị Thanh T7, anh Phùng Đình Th4, chị Phùng Thị Bích Th5 và chị Phùng Thị Bích Tr kỷ phần 955.862.500 đồng (chín trăm năm mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành các khoản tiền phải thi hành án, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận, thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2.2. Quản lý di sản:

- Giao cho ông Nguyễn B quản lý di sản 804.937.000 đồng (tám trăm lẻ bốn triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng) là kỷ phần của ông Nguyễn Văn Tr1 (đã chết).

- Giao cho ông Nguyễn B quản lý di sản 1.911.725.000 đồng (một tỷ chín trăm mười một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) là kỷ phần của ông Nguyễn Văn Nh (đã chết).

- Giao cho ông Nguyễn B quản lý di sản 1.911.725.000 đồng (một tỷ chín trăm mười một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) là kỷ phần của ông Nguyễn R

(đã chết).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn H không yêu cầu ông Nguyễn B thanh toán giá trị di sản là nhà từ đường trên đất.

2.3. Hủy quyết định cá biệt:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Anh T2, bà Phan Thị Ng đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ 02, xã V1, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 26-10-1999 (nay là thửa đất số 60, tờ bản đồ 20, hệ tọa độ VN2000 xã V1).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Anh T3, bà Hồ Thị Hoàng Y đối với thửa đất số 42, tờ bản đồ 02, xã V1, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 29-11-2000 (nay là thửa đất số 40, tờ bản đồ 20, hệ tọa độ VN2000 xã V1).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị Diệu T4, ông Lê Quý Đ đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ 02, xã V1, có diện tích 665 m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 04-01-1999 (nay là thửa đất số 59, tờ bản đồ 20, hệ tọa độ VN2000 xã V1).

Ông Nguyễn B, ông Nguyễn Anh T2 và bà Phan Thị Ng, ông Nguyễn Anh T3 và bà Hồ Thị Hoàng Y, bà Nguyễn Thị Diệu T4 và ông Lê Quý Đ có nghĩa vụ đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.4. Quyền khởi kiện:

Trường hợp các đương sự tranh chấp về quyền đối với tài sản trên đất đã được xác định là di sản của cụ Nguyễn Đ2 và cụ Hồ Thị C1 thì có quyền khởi kiện để yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các ông Nguyễn H, Nguyễn B, Nguyễn Anh T2, Nguyễn Anh T3, Lê Quý Đ, Lê Minh C, Nguyễn Anh H2; các bà Trần Thị V3, Phan Thị Ng, Hồ Thị Hoàng Y, Nguyễn Thị Diệu H3, Nguyễn Thị Diệu T4 và bà Phạm Thị Th1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn H được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016 0000354 ngày 13-10-2017 (do ông Nguyễn Trường Duy nộp thay); ông Nguyễn H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Nguyễn B được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp

là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016 0000343 ngày 12-10-2017 (do ông Nguyễn Anh T2 nộp thay); ông Nguyễn B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Nguyễn Anh T2 được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016 0000346 ngày 12-10-2017; ông Nguyễn Anh T2 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Nguyễn Anh T3 được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016 0000342 ngày 12-10-2017 (do ông Nguyễn Anh T2 nộp thay); ông Nguyễn Anh T3 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Nguyễn Anh H2 được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016 0000341 ngày 12-10-2017 (do ông Nguyễn Anh T2 nộp thay); ông Nguyễn Anh H2 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Trần Thị V3 được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016 0000395 ngày 03-11-10-2017 (do ông Phùng Thu Đít T5 nộp thay); bà Trần Thị V3 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Lê Quý Đôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016 0000340 ngày 12-10-2017 (do ông Nguyễn Anh T2 nộp thay); ông Lê Quý Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Lê Minh C được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016 0000792 ngày 11-02-2019 (do ông Trần Thanh G nộp thay); ông Lê Minh C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Phan Thị Ng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016 0000344 ngày 12-10-2017 (do ông Nguyễn Anh T2 nộp thay); bà Phan Thị Ng đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Hồ Thị Hoàng Y được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016 0000345 ngày 12-10-2017 (do ông Nguyễn Anh T2 nộp thay); bà Hồ Thị Hoàng Y đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Diệu H3 được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016 0000347 ngày 12-10-2017 (do ông Nguyễn Anh T2 nộp thay); bà Nguyễn Thị Diệu H3 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Diệu T4 được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016 0000338 ngày 12-10-2017 (do ông Nguyễn Anh T2 nộp thay);

bà Nguyễn Thị Diệu T4 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Phạm Thị Th1 được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016 0000339 ngày 12-10-2017 (do ông Nguyễn Anh T2 nộp thay); bà Phạm Thị Th1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường